

Số: **3696** /TT-BNN-CB

Hà Nội, ngày **10** tháng **11** năm **2010**

TỜ TRÌNH

Quyết định về cơ chế, chính sách dự trữ, tiêu thụ cà phê gắn với sản xuất

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Điều 6 Quyết định 481/QĐ-TTg ngày 13/4/2010 về hỗ trợ thu mua tạm trữ cà phê niên vụ 2009/2010, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã xây dựng dự thảo cơ chế, chính sách nhằm tăng khả năng dự trữ cà phê, đảm bảo xuất khẩu có lợi cho nền kinh tế; kiểm soát giá xuất khẩu cà phê, nhất là đối với giá các hợp đồng, giao hàng tương lai và kỳ hạn; kiểm soát, ngăn ngừa hiện tượng ép giá thu mua, hạ giá khi xuất khẩu làm thiệt hại thu nhập của người trồng cà phê và lợi ích đất nước; hỗ trợ được trực tiếp cho người trồng cà phê khi có rủi ro về thị trường và giá cả.

Tổng hợp, tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương và các doanh nghiệp kinh doanh xuất khẩu cà phê, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin kính trình Thủ tướng Chính phủ cơ chế, chính sách đối với ngành cà phê gồm những nội dung sau:

1. Sự cần thiết ban hành Quyết định

Việt Nam hiện là nước sản xuất cà phê Robusta lớn nhất thế giới, với diện tích trên 500.000 ha, hàng năm cho sản lượng trên dưới 1 triệu tấn nhân. Hơn 90% sản lượng cà phê phục vụ xuất khẩu, tiêu thụ nội địa chỉ ở mức dưới 10% (khoảng 70.000 tấn). Từ năm 2004 trở lại đây, ngành cà phê đã có bước tiến đáng kể, kim ngạch xuất khẩu tăng từ 483 triệu USD (năm 2000) lên 734 triệu USD (năm 2005), đạt kỷ lục 2,1 tỷ USD (năm 2008) và ước trên 1,6 tỷ USD năm 2010. Với giá trị tổng sản lượng chiếm khoảng 2% GDP, ngành cà phê đã có đóng góp không nhỏ vào tăng trưởng kinh tế của đất nước, là nguồn thu nhập chủ yếu của 540.000 hộ gia đình nông dân trồng cà phê và hơn 1,6 triệu lao động, góp phần quan trọng vào việc ổn định chính trị - xã hội tại các tỉnh Tây nguyên, miền núi.

Tuy nhiên cho đến nay, mặc dù là nước xuất khẩu cà phê lớn thứ 2 thế giới, nhưng Việt Nam không có khả năng chi phối, ngược lại rất bị động trước các thay đổi của thị trường thế giới; luôn đứng trước nguy cơ khủng hoảng khi

có biến động bất lợi về thị trường, giá cả. Qua nhiều cuộc hội thảo, hội nghị nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng này được chỉ ra như sau:

(1) Ngành cà phê chưa thiết lập được hệ thống sản xuất, kinh doanh mang tính chuyên nghiệp.

Diễn hình, hàng năm nước ta xuất khẩu khoảng 1 triệu tấn cà phê nhân tới 80 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó có 10 nước là bạn hàng lớn, qua 26 đầu mối các hãng và doanh nghiệp nước ngoài mua trực tiếp cà phê Việt Nam, nhưng trong nước có đến 168 doanh nghiệp xuất khẩu, trong đó chỉ có khoảng 20 doanh nghiệp xuất khẩu với khối lượng tương đối lớn.

(2) Năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp chế biến, kinh doanh cà phê Việt Nam còn thấp, thể hiện ở các mặt:

- Năng lực tài chính: Các doanh nghiệp không đủ nguồn lực để thu mua dự trữ cà phê chờ thời điểm có lợi để bán ra. Đầu vụ, các doanh nghiệp bán ồ ạt để lấy tiền trả nợ, có tháng bán ra đến 200.000 tấn, trong khi nhu cầu cà phê Robusta của thị trường chỉ trong khoảng 80.000 – 100.000 tấn/tháng. Đây là cơ hội cho 12 nhà nhập khẩu và 8 nhà rang xay lớn ép giá. Cũng từ sự thiếu hụt về vốn, các doanh nghiệp Việt Nam thường thực hiện hợp đồng mua bán cà phê theo nguyên tắc “trừ lùi”, khi gặp phải tình trạng giá giảm liên tục, nhiều doanh nghiệp đã thua lỗ, không được ngân hàng cho vay vốn.

- Bên cạnh một số ít doanh nghiệp chủ động đầu tư, nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm, còn khá nhiều doanh nghiệp chưa thực sự quan tâm đến chất lượng và sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng. Việc áp dụng hệ thống các tiêu chuẩn kỹ thuật trong giao dịch mua bán hàng hóa không được thực hiện nghiêm túc từ chính trong các doanh nghiệp.

- Các hoạt động mở rộng thị trường cà phê rang xay, xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý đối với cà phê còn hạn chế, trong đó tính chuyên nghiệp, kiến thức thị trường trong quá trình hội nhập của các doanh nghiệp rất yếu.

(3) Thiếu sự liên kết trong sản xuất – chế biến và tiêu thụ sản phẩm trên cơ sở hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp và nông dân.

Mối liên hệ giữa các doanh nghiệp chế biến xuất khẩu cà phê với nhau; giữa doanh nghiệp và nông dân hết sức lỏng lẻo, thiếu sự chia sẻ thông tin, không thống nhất được với nhau về phương thức tiêu thụ, giá cả, thường xuyên xảy ra tình trạng tranh mua, tranh bán ngay trên “sân nhà” và bị các khách hàng ép giá. Nông dân chủ yếu là hộ sản xuất nhỏ lẻ, không có người đại diện hợp pháp cho quyền lợi, nên rất khó hưởng sự hỗ trợ trực tiếp của Nhà nước khi có rủi ro.

Vì vậy, việc xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành cơ chế, chính sách dự trữ, tiêu thụ cà phê là hết sức cần thiết.

2. Quan điểm soạn thảo Quyết định

- Cà phê là một trong những mặt hàng nông sản có giá trị xuất khẩu lớn và liên quan đến cuộc sống của hàng trăm nghìn hộ nông dân ở vùng sâu, vùng xa, nhất là Tây Nguyên. Do đó cần có những chính sách hỗ trợ thỏa đáng đảm bảo an sinh xã hội, ổn định kinh tế, chính trị, xã hội và an ninh quốc phòng tại các địa bàn chiến lược của đất nước.

- Với lượng cà phê robusta lớn nhất thế giới, cần phải chủ động điều tiết tiêu thụ trên thị trường bằng các chính sách phù hợp, không vi phạm các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế.

3. Quá trình soạn thảo Quyết định

Ngày 15/4/2010, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao Cục Chế biến Thương mại nông lâm thủy sản và nghề muối chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan nghiên cứu, tổng hợp tình hình thực tế, xây dựng dự thảo Quyết định.

Tháng 6/2010, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Hiệp hội Cà phê cao Việt Nam tổ chức Hội thảo góp ý dự thảo Quyết định. Hội thảo có sự tham gia của các đại biểu đại diện các Bộ ngành, doanh nghiệp và thu được nhiều ý kiến đóng góp xác đáng.

Ngày 08/7/2010, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã gửi bản dự thảo đến các Bộ, ngành, cơ quan liên quan xin ý kiến đóng góp bằng văn bản. Đến đầu tháng 8/2010, đã nhận được góp ý của các đơn vị gồm: Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nội vụ, Bộ Công thương, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Hiệp hội cà phê-cao Việt Nam, UBND các tỉnh Đaklak, Gia Lai, Lâm Đồng, Kon Tum.

Tháng 8/2010, cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến góp ý của các Bộ ngành, hoàn thiện dự thảo, gửi Bộ Tư pháp thực hiện các thủ tục thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ.

4. Bố cục và nội dung chính của Quyết định

4.1. Bố cục:

Quyết định gồm có 9 điều được bố cục như sau:

Điều 1: Mục tiêu

Điều 2: Đối tượng áp dụng;

Điều 3 đến Điều 7: Các điều khoản cụ thể thực hiện từng nội dung theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định 481/QĐ-TTg ngày 13 tháng 4 năm 2010;

Điều 8: Tổ chức thực hiện;

Điều 9 : Hiệu lực thi hành Quyết định.

4.2. Nội dung chính của Quyết định bao gồm:

a) Cơ chế, chính sách nhằm tăng khả năng dự trữ cà phê, đảm bảo xuất khẩu mang lại lợi ích cao và bền vững (từ Điều 3 đến Điều 5)

Việc tạm trữ cà phê nhằm chủ động để phân kỳ tiêu thụ cà phê Việt Nam trên thị trường, giảm áp lực bán hàng tại thời điểm đầu vụ, điều phối lượng hàng hóa bán đều trong năm, mang lại hiệu quả cao hơn. Ban soạn thảo đã đề xuất các cơ chế, chính sách sau:

- Hàng năm căn cứ vào sản lượng và kế hoạch tiêu thụ, Hiệp hội Cà phê ca cao Việt Nam đề xuất với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phương án lưu kho cà phê để điều tiết lượng hàng bán ra. Sau khi phương án được duyệt, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chỉ đạo các ngân hàng thương mại cho các doanh nghiệp được chỉ định vay đủ vốn tương ứng với lượng cà phê lưu kho được giao; thời gian cho vay tối thiểu 6 tháng với lãi suất thỏa thuận.

- Trên cơ sở hợp đồng tiêu thụ sản phẩm doanh nghiệp ký với dân ngay từ đầu vụ về giá cả, số lượng, thời hạn...và đề nghị của doanh nghiệp, ngân hàng giải ngân trực tiếp cho dân tiền ứng trước đã ghi trong hợp đồng và doanh nghiệp nhận nợ với ngân hàng thương mại. Các hộ nông dân, chủ trang trại không có tài sản đảm bảo được ngân hàng cho vay theo điều 8 của Nghị định 41/2010/NĐ-CP.

- Các doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu cà phê xây kho tạm trữ được hưởng chính sách ưu đãi theo Quyết định 63/2010/QĐ-TTg ngày 15/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

Trong trường hợp giá cà phê trên thị trường trong nước xuống dưới giá thành sản xuất bình quân, ảnh hưởng đến thu nhập và đời sống của nông dân, căn cứ đề xuất của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Bộ Công thương và Hiệp hội cà phê - ca cao Việt Nam, Chính phủ hỗ trợ thu mua tạm trữ cà phê theo hướng: Các tổ chức tín dụng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chỉ định cho các doanh nghiệp đầu mối tham gia tạm trữ vay đủ vốn để mua đủ số lượng cà phê đưa vào tạm trữ theo cơ chế tín dụng thông thường. Doanh nghiệp được hỗ trợ cấp bù lãi suất 100% trong thời hạn ít nhất 06 tháng, trích từ Quỹ bảo hiểm cà phê. Việc hỗ trợ này nhằm đảm bảo an sinh xã hội và không trái với các quy định của WTO.

Dự thảo đã quy định những điều kiện đối với các doanh nghiệp được vay vốn: Có năng lực kinh doanh số lượng cà phê lớn tại từng địa phương, tài chính minh bạch, lành mạnh được UBND tỉnh và Hiệp hội cà phê - ca cao Việt Nam xác nhận; Có cơ sở vật chất và kho chứa đảm bảo điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm được quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật QCVN 01:06-2009/BNNT; Thực hiện thu mua cà phê của nông dân theo hợp đồng, đảm bảo lợi ích của người trồng cà phê và tự chịu trách nhiệm về hiệu quả kinh doanh; không mua bán cà phê lẫn loại do hái “tuốt cành” có tỷ lệ quả chín dưới 80%.

b) Thành lập Quỹ bảo hiểm cà phê và đảm bảo chất lượng cà phê xuất khẩu

Cùng với việc nâng cao chất lượng, việc thành lập Quỹ bảo hiểm là yếu tố để ngành cà phê thực hiện sản xuất kinh doanh một cách chủ động, mang tính căn cơ, lâu dài, tránh sự thụ động và “bóp méo” thị trường bởi sự can thiệp của Nhà nước trong các hỗ trợ trực tiếp. Ban soạn thảo đã đề xuất các nội dung:

- Thành lập Quỹ bảo hiểm cà phê từ nguồn thu của các doanh nghiệp kinh doanh, chế biến, xuất khẩu cà phê, tính theo khối lượng xuất khẩu; mức thu cụ thể do Hiệp hội Cà phê ca cao Việt Nam thống nhất quy định theo từng năm, trên cơ sở hiệu quả của sản xuất, kinh doanh.

- Các doanh nghiệp xuất khẩu cà phê nhân phải tuân thủ các yêu cầu về chất lượng theo TCVN; tỷ lệ cà phê chất lượng thấp hơn tiêu chuẩn không được vượt quá 10% lượng hàng hóa xuất khẩu theo chứng thư giám định chất lượng hàng hóa, nếu vượt quá phải nộp phí chất lượng 10 USD/tấn vào Quỹ bảo hiểm cà phê. Khuyến khích thành lập và phát huy vai trò, hiệu quả hoạt động của Câu lạc bộ các doanh nghiệp xuất khẩu hàng đầu, nhằm đảm bảo chất lượng, thống nhất giá cả, điều tiết xuất khẩu và thực hiện thanh toán theo hình thức trả ngay, khắc phục hình thức hợp đồng trừ lùi hoặc giao dịch ảo.

c) Tổ chức thực hiện

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì phối hợp các địa phương chỉ đạo rà soát quy hoạch vùng sản xuất và cơ sở chế biến cà phê, tổ chức sản xuất theo hướng hợp tác, thành lập các hợp tác xã dịch vụ, trung tâm chế biến, tiêu thụ cà phê.

- Bộ Tài chính: Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành chỉ đạo, hướng dẫn Hiệp hội cà phê ca cao Việt Nam xây dựng Quỹ Bảo hiểm cà phê; thực hiện việc quản lý nhà nước về tài chính đối với Quỹ Bảo hiểm cà phê.

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: Chỉ đạo, điều phối các ngân hàng thương mại trong hoạt động cho vay nhằm tạo điều kiện có đủ vốn cho các doanh nghiệp cà phê.

- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai thực hiện quyết định này tại địa phương: Rà soát, phân vùng nguyên liệu cho các doanh nghiệp có năng lực đảm nhận, ký kết hợp đồng sản xuất và tiêu thụ cà phê cho nông dân; tổ chức lại sản xuất nông nghiệp trên địa bàn, hướng dẫn và hỗ trợ nông dân tự nguyện tham gia các tổ chức kinh tế hợp tác, thông qua đó để hợp đồng sản xuất, tiêu thụ sản phẩm với các doanh nghiệp, đồng thời là đầu mối để tiếp nhận sự hỗ trợ trực tiếp của Nhà nước; giám sát việc thực hiện các cam kết của doanh nghiệp với nông dân trên địa bàn.

- Hiệp hội cà phê cao Việt Nam: Thành lập Quỹ Bảo hiểm cà phê và xây dựng quy chế điều hành Quỹ. Phối hợp với cơ quan liên quan giám sát khối lượng, giá cả, chất lượng cà phê xuất khẩu theo quy định tại điều 7, định kỳ báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

5. Ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan

Được tổng hợp chi tiết tại báo cáo kèm theo.

6. Ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp (tại báo cáo kèm theo)

7. Những vấn đề còn có ý kiến khác nhau

Trong quá trình xây dựng Quyết định (dự thảo), cơ quan soạn thảo đã tiếp thu cơ bản những ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương. Tuy vậy, một số điểm còn có ý kiến khác nhau, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin được giải trình cụ thể như sau:

7.1. Hầu hết các góp ý đồng tình với việc quy định điều kiện đối với các doanh nghiệp vay vốn tạm trữ lưu thông (hoặc tạm trữ khi giá xuống thấp), tuy nhiên cũng có ý kiến cho rằng việc quy định điều kiện doanh nghiệp được vay vốn tạm trữ, xuất khẩu cà phê là không bình đẳng giữa các loại hình doanh nghiệp trong cơ chế thị trường.

- Ban soạn thảo nhận thấy, một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến tình trạng bất ổn trong sản xuất, chế biến, xuất khẩu cà phê, làm giảm uy tín của cà phê Việt Nam trên thị trường thế giới là tình trạng “nhà nhà sản xuất, nhà nhà xuất khẩu”; đã phát sinh nhiều hiện tượng tiêu cực như lừa đảo, giao dịch ảo trên mạng, dẫn đến nhiều doanh nghiệp bị phá sản, nông dân bị chiếm dụng cà phê, chịu thua thiệt trong quá trình ký gửi hàng cho đại lý. Vì vậy, cũng như điều hành xuất khẩu gạo, đối với cà phê cần phải thực hiện cơ chế sản xuất – kinh doanh có điều kiện quy định các điều kiện cụ thể đối với doanh nghiệp được quyền vay vốn tạm trữ, xuất khẩu. Thực chất đây là quá trình làm lành mạnh hóa thị trường, tổ chức lại ngành hàng và đòi hỏi các doanh nghiệp muốn tồn tại phải tự đổi mới, nâng cao năng lực để có thể đáp ứng được yêu cầu.

7.2. Về vốn vay: Hầu hết các góp ý đều đồng tình cần phải tăng cường năng lực cho các doanh nghiệp chế biến – xuất khẩu được vay vốn lưu động ổn định, nhằm chủ động tạm trữ lưu thông. Tuy nhiên, Ngân hàng Nhà nước cho rằng về cơ bản, ngân hàng đã đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn cho sản xuất, chế biến, tiêu thụ cà phê và không cần quy định cụ thể mức vay, thời hạn vay, lãi suất của khoản vay vì cơ chế chính sách tín dụng đối với nông nghiệp, nông thôn đã được thực hiện theo Nghị định 41, theo đó, quan hệ tín dụng giữa doanh nghiệp và ngân hàng thực hiện theo cơ chế thỏa thuận.

- Tiếp thu ý kiến của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, dự thảo không quy định cụ thể mức vay, thời hạn vay, lãi suất của khoản vay đối với toàn bộ sản lượng cà phê, mà chỉ đề xuất áp dụng thời hạn vay tối thiểu 6 tháng, lãi suất thỏa thuận đối với một số lượng nhất định nhằm lưu kho và điều tiết lượng hàng bán ra. Đồng thời, thực hiện việc ngân hàng giải ngân trực tiếp cho dân tiền ứng trước đã ghi trong hợp đồng và doanh nghiệp nhận nợ với ngân hàng thương mại, trên cơ sở hợp đồng tiêu thụ sản phẩm doanh nghiệp ký với dân ngay từ đầu vụ về giá cả, số lượng, thời hạn...và đề nghị của doanh nghiệp.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng;
- Thứ trưởng Bùi Bá Bồng;
- Thứ trưởng Diệp Kinh Tân;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, CB.





BÁO CÁO

kiến góp ý, thẩm định

Dự thảo Quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ tiêu thụ, dự trữ cà phê
(Kèm theo Tờ trình *Tr--BNN-CB* ngày 10 tháng 11 năm 2010)

TT	Cơ quan góp ý/ thẩm định	Ý kiến góp ý/thẩm định	Kết quả tiếp thu ý kiến
1	Bộ Tài chính	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung đối tượng được hưởng chính sách là “các doanh nghiệp <u>kinh doanh thu mua cà phê trên thị trường</u>” - Làm rõ cơ chế cho vay thỏa thuận và bên nào chịu trách nhiệm trả nợ khi có rủi ro trong trường hợp vay tín chấp - Về việc thành lập Ban Điều hành Quốc gia cà phê, đề nghị sửa thành “<u>Hiệp hội cà phê cao Việt Nam chịu trách nhiệm theo dõi tình hình diễn biến giá cả và đề xuất với các Bộ, ngành tham mưu với Chính phủ biện pháp, cơ chế chính sách điều hành hoạt động mua bán cà phê nguyên liệu và xuất khẩu cà phê nhân khi thị trường cà phê thế giới có xu hướng bất lợi cho người nông dân</u>” - Bổ sung tại Điều 7 “Các doanh nghiệp thực hiện việc mua cà phê theo cơ chế thị trường, tự chịu trách nhiệm về hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp mình” - Điều 8: Bỏ nội dung “Hàng năm, trước khi 	<ul style="list-style-type: none"> Dự thảo đã chỉnh sửa thành <u>doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình tham gia sản xuất, chế biến, kinh doanh cà phê.</u> - Nội dung này đã được quy định tại Nghị định 41/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn mà dự thảo đã dẫn, nên không quy định thêm. - Dự thảo cơ bản đã chỉnh sửa theo ý kiến đóng góp: Giao Hiệp hội Cà phê cao Việt nam thành lập Quỹ bảo hiểm cà phê, đề xuất phương án vay mua lưu kho hàng năm và hướng hỗ trợ khi có thiệt hại do giá cà phê xuống thấp. - Nội dung này đã được quy định tại Điều 5 Dự thảo. - Ban soạn thảo xin tiếp thu

		vào vụ thu hoạch, chủ trì phối hợp với các địa phương, doanh nghiệp xác định và công bố giá sàn thu mua cà phê của nông dân”, vì cà phê không phải là mặt hàng thiết yếu và Nhà nước bình ổn giá.	
2.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	<p>- Quan điểm cho rằng, về cơ bản, ngân hàng đã đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn cho sản xuất, chế biến, tiêu thụ cà phê và đây không phải là nguyên nhân chính dẫn đến khó khăn của ngành cà phê trong thời gian qua.</p> <p>- Không quy định cụ thể mức vay, thời hạn vay, lãi suất của khoản vay vì cơ chế tín dụng vì cơ chế chính sách tín dụng đối với nông nghiệp nông thôn đã được thực hiện theo Nghị định 41, theo đó, quan hệ tín dụng giữa doanh nghiệp và ngân hàng thực hiện theo cơ chế thỏa thuận</p> <p>- Điều 3: Làm rõ hình thức khuyến khích nông dân trồng cà phê theo hướng thực hiện việc sản xuất và thu mua cà phê theo hợp đồng tiêu thụ sản phẩm: trên cơ sở hợp đồng tiêu thụ sản phẩm ký với dân ngay từ đầu vụ và đề nghị của doanh nghiệp, ngân hàng giải ngân trực tiếp cho dân số tiền ứng trước đã ghi trong hợp đồng và doanh nghiệp nhận nợ với ngân hàng</p>	<p>- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho rằng thiếu vốn lưu động là nguyên nhân cơ bản làm hạn chế năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu cà phê. Chính vì thiếu vốn, nên xảy ra tình trạng “mua non, bán non” và không thể tạm trữ, điều tiết thị trường. Do đó mong muốn nhà nước có cơ chế cho doanh nghiệp vay với thời hạn đủ dài để lưu kho đủ lượng cà phê cần thiết hàng năm.</p> <p>-Việc quy định trong dự thảo vẫn tuân thủ cơ chế thị trường và những quy định của Nghị định 41, dự thảo chỉ bổ sung cụ thể về thời hạn vay để đảm bảo đủ vốn lưu động cho ngành cà phê (như đã giải trình ở trên).</p> <p>- Dự thảo đã tiếp thu (tại Điều 3)</p>

		<p>- Điều 7: Do ngành cà phê hoạt động theo cơ chế thị trường nên không đặt ra mức lợi nhuận tối thiểu 30% cho người trồng cà phê. Trong trường hợp cụ thể, khi có thiệt hại, việc xử lý hỗ trợ trực tiếp theo Nghị định 41.</p> <p>- Điều 7: bỏ nội dung “Ngân hàng chỉ giải ngân cho các doanh nghiệp có hợp đồng thanh toán với nông dân tiền mua cà phê với giá bằng hoặc trên giá sàn”. Vì việc xem xét cho vay của ngân hàng trên cơ sở đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Ngân hàng thương mại không có chức năng kiểm soát giá.</p>	<p>- Ban soạn thảo xin tiếp thu, tuy nhiên đề xuất thêm việc thành lập Quỹ Bảo hiểm cà phê để hỗ trợ doanh nghiệp và nông dân trong trường hợp có rủi ro.</p> <p>- Dự thảo đã tiếp thu.</p>
3	Bộ Công Thương	<p>- Do kênh tiêu thụ sản phẩm cà phê hiện nay còn khá phức tạp nên đối tượng mà chính sách thu mua tạm trữ muốn tác động tới là người trồng cà phê khó được hưởng lợi nhiều. Vì vậy, về lâu dài, đề nghị nghiên cứu xây dựng đề án tổng thể về cơ chế, chính sách từ khâu sản xuất đến khâu tiêu thụ, xuất khẩu cà phê trên cơ sở thiết lập mạng lưới thu mua, chế biến xuất khẩu chuyên nghiệp, tăng cường mối quan hệ giữa doanh nghiệp và nông dân</p> <p>- Điều 5. Bổ sung thêm trách nhiệm của doanh nghiệp được vay vốn là chủ động tìm kiếm thị trường, hợp đồng, đảm bảo tiêu thụ hết lượng cà phê thu mua tạm trữ với giá có lãi, góp phần đảm bảo hiệu quả sản xuất</p>	<p>- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin tiếp thu. Mặt khác, trong phạm vi dự thảo Quyết định cũng đã có chính sách khuyến khích mối liên kết chặt chẽ giữa doanh nghiệp và nông dân bằng hình thức ngân hàng ứng trước tiền mua cà phê cho nông dân có hợp đồng bán cà phê với doanh nghiệp ngay từ đầu vụ</p> <p>- Dự thảo đã tiếp thu có điều chỉnh, tại Điều 5 “Thực hiện thu mua cà phê của nông dân theo hợp đồng với giá hợp lý, đảm bảo lợi ích của người trồng cà phê (trên cơ sở đề xuất của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương, Hiệp hội Cà phê cao</p>

			Việt Nam) và tự chịu trách nhiệm về hiệu quả kinh doanh; không mua bán cà phê lẫn loại do hái “tuốt cành” có tỷ lệ quả chín dưới 80%”
4	Bộ Kế hoạch và đầu tư	<p>- Điều 5: quy định cụ thể định lượng đối với điều kiện về sản lượng, năng lực tài chính của doanh nghiệp</p> <p>- Điều 8. Căn cứ Điều 22 Nghị định 88/2002/NĐ-CP ngày 30/7/2003 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội thi Hiệp hội không có chức năng về “Xây dựng quy chế xuất khẩu cà phê nhân; điều kiện đối với các doanh nghiệp mua tạm trữ và xuất khẩu cà phê..”, vì vậy giao cho cơ quan khác có chức năng tương ứng</p>	<p>- Hiệp hội cà phê – ca cao đề nghị “quy định doanh nghiệp phải có lượng xuất khẩu tối thiểu 10.000 tấn/năm trở lên, có kho tạm trữ được ngân hàng chấp thuận cho vay vốn, thế chấp bằng sản phẩm và được ứng từ 90-100%”. Trong khi đó, một số địa phương đề nghị chỉ nên quy định: “doanh nghiệp có sản lượng cà phê xuất khẩu lớn so với các doanh nghiệp khác trong cùng địa phương, có tài chính lành mạnh được cơ quan chức năng xác nhận”.</p> <p>Tiếp thu ý kiến này, dự thảo Quyết định quy định: Có sản lượng cà phê xuất khẩu lớn đối với từng địa phương, tài chính minh bạch, lành mạnh được UBND tỉnh và Hiệp hội Cà phê ca cao Việt Nam xác nhận</p> <p>- Tiếp thu</p>
5	Bộ Nội vụ	- Thống nhất với ý kiến cần có tổ chức phối hợp liên ngành giúp TTCP nghiên cứu, chỉ đạo, phối hợp giải quyết các công việc liên quan đến dự trữ, tiêu thụ cà phê gắn với sản	- Sau khi nghiên cứu nhiều ý kiến góp ý khác, dự thảo đã thống nhất bỏ nội dung thành lập Ban Điều hành cà phê quốc gia, thay vào đó thành lập Quỹ Bảo hiểm cà phê và giao Hiệp hội Cà phê ca cao VN điều hành dưới

		<p>xuất. Tuy nhiên cần cân nhắc kỹ mô hình tổ chức Ban Điều hành quốc gia cà phê Việt Nam giao cho Hiệp hội Cà phê Ca cao Việt Nam làm thường trực và trực tiếp quản lý Quỹ Bảo hiểm xuất khẩu, đảm bảo phù hợp với Khoản 2, Điều 15 Quyết định số 34/2007/QĐ-TTG ngày 12/3/2007 của TTCP về việc ban hành quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành</p>	<p>sự quản lý nhà nước về tài chính của Bộ Tài chính.</p>
6	Tỉnh Gia Lai	<p>- Điều 3: nâng thời hạn cho vay lên 9 tháng để tạo điều kiện chủ động cho doanh nghiệp.</p> <p>- Điều 7, mục a quy định doanh nghiệp phải ký hợp đồng tiêu thụ cà phê cho nông dân thông qua các tổ chức đại diện hợp pháp; thực hiện việc mua bán cà phê theo phẩm cấp, nghiêm cấp việc mua bán cà phê lẫn loại do hái "tuốt cành" là không khả thi vì quá chung chung, không cụ thể, dễ dẫn đến tình trạng doanh nghiệp gây khó khăn cho người sản xuất</p> <p>- Cơ chế chính sách nên tập trung hỗ trợ cho người sản xuất như: hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất cà phê năng suất và chất lượng cao, giúp họ tự dự trữ cà phê khi giá xuống thấp. Có cơ chế cụ thể tổ chức lại sản xuất cà phê theo hướng có kinh phí hỗ trợ các tổ chức kinh tế hợp tác, hợp tác xã, hội nông dân hoạt</p>	<p>- Theo ý kiến của đa số doanh nghiệp thì thời hạn 6 tháng đã hợp lý, do đó Dự thảo vẫn giữ nguyên mức đề xuất 6 tháng như ban đầu.</p> <p>- Dự thảo đã bổ sung nội dung "tỷ lệ quả chín dưới 80%". Quy định này cần thiết nhằm chấn chỉnh việc thu hái cà phê "tuốt cành", mua bán cà phê không theo phẩm cấp và khuyến khích mối liên kết giữa doanh nghiệp và nông dân.</p> <p>- Trong phạm vi chính sách này không bao trùm chính sách khuyến khích sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, dự thảo cũng đã có cơ chế khuyến khích mối liên kết chặt chẽ giữa doanh nghiệp và nông dân bằng hình thức ngân hàng ứng trước tiền mua cà phê cho nông dân có hợp đồng bán cà phê với doanh nghiệp ngay từ đầu vụ. Việc khuyến khích nông dân tự dự trữ cà phê</p>

		động, hướng dẫn, hỗ trợ nông dân tự nguyện tham gia để có đầu mối ký kết hợp đồng sản xuất, tiêu thụ cà phê với doanh nghiệp và nhận sự hỗ trợ trực tiếp của Nhà nước	thực hiện theo Nghị quyết 48/NQ-CP ngày 23/9/2009 về cơ chế, chính sách giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản. Do đó dự thảo không bổ sung nội dung này.
7	Tỉnh Lâm Đồng	- Đối với quy định về điều kiện doanh nghiệp được vay vốn tạm trữ: ưu tiên chỉ định các doanh nghiệp có điều kiện thuận lợi. - Quy định thời điểm thu mua: Cần có quy định cụ thể về mức giá tối đa để thu mua tạm trữ. Khi giá cà phê trên thị trường cao hơn mức giá này thì ngưng hoạt động thu mua tạm trữ	- Dự thảo đã tiếp thu (tại Điều 5). - Mức giá mua tạm trữ cà phê phải đảm bảo lợi ích của người dân, còn doanh nghiệp có quyền chủ động điều tiết lượng hàng bán ra và tự chịu trách nhiệm về hiệu quả kinh doanh
8	Tỉnh KonTum	- Điểm 1, điều 5: chỉnh sửa thành " <i>có sản lượng cà phê xuất khẩu lớn so với các doanh nghiệp khác trong cùng địa phương, có tài chính lành mạnh được cơ quan chức năng xác nhận</i> "	- Dự thảo đã tiếp thu (tại Điều 5)
9	Hiệp hội Cà phê Ca cao Việt Nam	- Về đối tượng doanh nghiệp được vay vốn: quy định doanh nghiệp phải có lượng xuất khẩu tối thiểu 10.000 tấn/năm trở lên, có kho tạm trữ được ngân hàng chấp thuận cho vay vốn, hàng cà phê sẽ thế chấp và được ứng từ 90-100%	- Tham khảo ý kiến của các địa phương, Ban soạn thảo nhận thấy hợp lý hơn nên đã bổ sung tại Điều 5 " <i>Có sản lượng cà phê xuất khẩu lớn đối với từng địa phương, tài chính lành mạnh, minh bạch được UBND tỉnh và Hiệp hội Cà phê ca cao Việt Nam xác nhận</i> "
10	Bộ Tư pháp (thẩm định)	I. Những nội dung nhất trí: 1. Sự cần thiết ban hành văn bản 2. Sự phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng, tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống	

nhất của văn bản trong hệ thống pháp luật

3. Nội dung quy định đối với các doanh nghiệp vay vốn tạm trữ lưu thông; đối tượng được hưởng chính sách

II. Những nội dung có ý kiến:

1. Đề nghị cơ quan soạn thảo đăng tải toàn văn dự thảo Quyết định trên trang thông tin điện tử của Chính phủ hoặc của cơ quan soạn thảo trong thời gian ít nhất là 60 ngày.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin giải trình: Trong quá trình soạn thảo, Ban soạn thảo đã xin ý kiến rộng rãi 3 lần theo các hình thức:

+ Tháng 6/2010 phối hợp với Hiệp hội Cà phê cao tổ chức hội thảo (tháng 6/2010) với thành phần đại biểu là các Bộ ngành, cơ quan liên quan và đông đảo các doanh nghiệp chế biến, sản xuất, kinh doanh cà phê.

+ Tháng 7/2010, xin ý kiến của các Bộ ngành và Hiệp hội Cà phê cao Việt Nam. Hiệp hội đã tổ chức lấy ý kiến của các doanh nghiệp thành viên và tổng hợp, gửi trả lời góp ý cho ban soạn thảo.

+ Tháng 8/2010, tại cuộc họp Tổng kết tình hình thực hiện mua tạm trữ cà phê niên vụ 2009/2010 do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức tại Hà Nội, cơ quan soạn thảo đã kết hợp nội dung xin ý kiến góp ý tiếp của các doanh nghiệp dự họp.

+ Tháng 10/2010, sau khi chỉnh sửa theo ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, đã tổ chức cuộc họp với các chuyên gia Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để thống nhất dự thảo.

Như vậy, nhìn chung dự thảo được chuẩn bị có sự tham gia ý kiến trực tiếp và kỹ lưỡng của các đơn vị liên quan, đặc biệt là các doanh nghiệp đối tượng của

	<p>2. Việc lập, sử dụng và quản lý Quỹ Bảo hiểm cà phê do Hiệp hội Cà phê cao Việt Nam quyết định</p> <p>3. Về vốn vay: Bộ Tư pháp nhất trí rằng cần phải tăng cường năng lực cho các doanh nghiệp chế biến- xuất khẩu được vay vốn lưu động ổn định, nhằm chủ động tạm trữ lưu thông. Tuy nhiên quy định thời hạn cho vay <u>tối thiểu 6 tháng</u> là không phù hợp với Điều 9 Nghị định số 41/2010/N-CP quy định tổ chức tín dụng và khách hàng được thỏa thuận thời hạn vay vốn.</p> <p>4. Đề nghị không áp dụng các biện pháp bình ổn giá đối với ngành cà phê; giá mua, giá bán cà phê được thực hiện theo cơ chế thị trường và không cần thiết thành lập Ban điều hành quốc gia cà phê</p>	<p>Quyết định. Mặt khác, đề Quyết định ra đời kịp thời vụ cà phê 2010/2011, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét sớm ban hành.</p> <p>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu và chỉnh sửa vào dự thảo quyết định.</p> <p>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu ý kiến trên. Dự thảo không quy định cụ thể mức vay, thời hạn vay, lãi suất của khoản vay đối với toàn bộ sản lượng cà phê, mà chỉ đề xuất áp dụng thời hạn vay tối thiểu 6 tháng, lãi suất thỏa thuận đối với một số lượng nhất định nhằm <u>lưu kho và điều tiết lượng hàng bán ra</u>. Số lượng cà phê này do Hiệp hội cà phê cao đề xuất căn cứ vào sản lượng và kế hoạch tiêu thụ hàng năm và được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chấp thuận.</p> <p>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu.</p>
--	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------